TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 27/5/2021
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Các Thẩm phán: ông Trần Minh Hải;

ông Khưu Để Dành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:*** ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2021/TLPT-HNGĐ ngày 29/3/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 08/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2021/QĐ-PT ngày 12/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐ-PT, ngày 04/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị Thủy T, sinh năm 1996; HKTT: ấp TH, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang; tạm trú: số 693, T8, khóm VT, phường NS, thành phố CĐ, tỉnh An Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* ông Đặng Hữu C, sinh năm 1996; nơi cư trú: T2, ấp TH, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Luật sư Huỳnh Thanh T1 – Văn phòng luật sư Nguyễn Đức K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: 24 LVN, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang, có mặt.

Người kháng cáo: ông Đặng Hữu C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Thủy T trình bày:

Bà với ông Đặng Hữu C chung sống với nhau từ năm 2017, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Đến ngày 01/7/2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp, ông C nghe lời cha mẹ ruột một cách thái quá và không cho bà đi làm để phụ tiếp gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 10/2020 bà đưa con về nhà cha mẹ ruột tại thành phố CĐ ở và cũng chính thức sống ly thân. Sau khi bà và con về nhà cha mẹ ruột ở một tuần, ông C lên xin đưa con về nhà chơi sau đó không trả con lại cho bà và cũng ngăn cản việc bà thăm con hay điện thoại nói chuyện với con. Nhận thấy hiện nay tình cảm không còn, không muốn hàn gắn lại nên bà T yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Thủy T xin được ly hôn với ông Đặng Hữu C.

+ Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Đặng Hữu D sinh ngày 29/6/2018 hiện đang sống với ông C. Sau ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Đặng Hữu C trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà T và thời gian chung sống, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông C là do vợ không chịu ở nhà phụ tiếp chăm sóc con mà lại quyết định đi làm ở công ty, thường xuyên đi sớm về muộn. Ông không muốn vợ đi làm cực khổ nên đã yêu cầu nghỉ việc nhưng vợ không đồng ý. Do vợ chồng cãi nhau nên vợ đem con về nhà cha mẹ ruột ở thành phố CĐ, sau đó khoảng một tuần ông lên đón vợ con nhưng vợ không muốn về nên ông đã đưa con về trước, ông có điện thoại năn nỉ vợ về nhưng không được. Vợ chồng cũng chính thức sống ly thân từ ngày 19/10/2020 đến nay. Nay ông C có ý kiến như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Thủy T.

+ Về quan hệ con chung: thống nhất ông với bà T có 01 con chung tên Đặng Hữu D, sinh ngày 29/6/2018 hiện nay đang sống với ông. Sau ly hôn ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 08/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Thủy T và ông Đặng Hữu C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 06/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thủy T.

Bà Lê Thị Thủy T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Đặng Hữu D, sinh ngày 29/6/2018 (cháu D hiện đang sống chung với ông Đặng Hữu C).

Buộc ông Đặng Hữu C phải giao con chung Đặng Hữu D, sinh ngày 29/6/2018 cho bà Lê Thị Thủy T để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà T và các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Lê Thị Thủy T và ông Đặng Hữu C phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/02/2021 ông Đặng Hữu C kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung là cháu Đặng Hữu D.

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ ai là người nhắn tin với bà T qua mạng xã hội Zalo, tài sản ông C có được có phải do ông C đối phó hay không. Ông C không ngăn cản bà T đến thăm con mà do bà T không đến. Điều kiện nơi ở của bà T hiện nay không đảm bảo cho sự phát triển lâu dài của cháu D. Từ khi sinh ra cho đến nay cháu D sống chung với gia đình ông C, nếu tách cháu D ra khỏi gia đình ông C thì có đảm bảo điều kiện sống cho cháu D không. Bà T cho rằng có thu nhập từ tiền lương nhưng không có chứng cứ chứng minh, các nhân chứng có lời khai bà T đi làm sớm về muộn nên không đảm bảo thời gian chăm sóc con. Ông H có cung ấp nhiều tấm ảnh chứng minh bà T thường xuyên đi uống cà phê, uống bia với người khác chứ không phải làm tăng ca như lời trình bày của bà T. Cấp sơ thẩm không đánh giá chứng cứ là sổ tiết kiệm 200.000.000đ của ông C và áp dụng cứng nhắc về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ nuôi mà không

xem xét đến điều kiện của ông C. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu D cho ông C nuôi dưỡng.

Bà T không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: ông C kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết đúng quy định. Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Ông C và bà T có một con chung tên Đặng Hữu D sinh ngày 29/6/2018 hiện đang sống với ông C, cả ông C và bà T đều có yêu cầu được nuôi con chung. Hiện bà T và ông C đều có thu nhập ổn định, đến ngày xét xử sơ thẩm cháu D chưa tròn 36 tháng tuổi, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Bà T cũng có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con, cháu D còn quá nhỏ nên cấp sơ thẩm giao cháu D cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Kháng cáo của ông C là không có cơ sở xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không cấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Ngày 17/02/2021 ông Đặng Hữu C kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận và xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung không có kháng cáo, kháng nghị không nên không đề cập.

[2] Xét kháng cáo của ông Đặng Hữu C về yêu cầu được nuôi con chung là cháu Đặng Hữu D.

Ông C và bà T có một con chung tên Đặng Hữu D, sinh ngày 29/6/2018, hiện nay do ông C nuôi dưỡng, cả ông C và bà T đều có nguyện vọng được nuôi con chung thể hiện trách nhiệm và tình thương của cha mẹ đối với con. Xét về điều kiện kinh tế thì hiện nay ông C đang phụ giúp gia đình làm nông nghiệp, ông C có cung cấp sổ tiết kiệm 200.000.000đ; còn bà T cũng có việc làm ổn định tại công ty TB-NM (Công ty TBS - Nhà máy túi xách huyện TS) và hàng

tháng được trả lương ổn định (BL 117, 118). Như vậy xét về điều kiện nuôi con thì cả hai đều có đủ khả năng về kinh tế để nuôi dưỡng cháu D khôn lớn.

Tuy nhiên, cho đến ngày xét xử sơ thẩm cháu D chưa tròn 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Ngoài ra ông C cũng thừa nhận thời gian vợ chồng không còn sống chung, khi bà T về thành phố CĐ sinh sống thì cháu D sống cùng bà T, trong thời gian nuôi con bà T không vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng, khi ông C đón cháu về nhà tại huyện TS thì giữ cháu cho đến nay mà không được sự đồng ý của bà T, không tạo điều kiện cho bà T thăm nom con là hạn chế quyền của người mẹ và ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu D.

Tại cấp sơ thẩm ông C có cung cấp các hình ảnh bà T ngồi ăn uống với người khác và cho rằng bà T sống trong môi trường không lành mạnh nên không thể giáo dục cháu D là không có cơ sở. Đối với những văn bản xác nhận của ông Đặng Minh V, bà Nguyễn Thị H1, bà Trần Thị H2, bà Lê Thị D1, ông Lê Văn H3 do ông C cung cấp có nội dung bà T đi làm công ty đi sớm về muộn nên không có thời gian để chăm sóc con cũng không thuyết phục.

Từ những cơ sở trên, cấp sơ thẩm quyết định giao cháu D cho bà T nuôi dưỡng và buộc ông C phải giao cháu D cho bà T nuôi dưỡng là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm ông C cung cấp hóa đơn mua máy gặt trị giá 300.000.000đ, chứng cứ này cũng không đủ cơ sở chứng minh việc bà T không đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C về việc yêu cầu được nuôi cháu D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TS.

[3] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông C phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Hữu C về việc yêu cầu được nuôi con chung là cháu Đặng Hữu D, sinh ngày 29/6/2018.

2. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 08/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thủy T.

Bà Lê Thị Thủy T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Đặng Hữu D, sinh ngày 29/6/2018 (cháu D hiện đang sống chung với ông Đặng Hữu C).

Buộc ông Đặng Hữu C phải giao con chung Đặng Hữu D, sinh ngày 29/6/2018 cho bà Lê Thị Thủy T để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà T và các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí phúc thẩm: ông Đặng Hữu C phải chịu 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008114 ngày 19/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS (đã nộp xong).

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 08/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND huyện TS (1);
- THA huyện TS (1);
- Tòa GĐ & NCTN (1);
- Văn phòng Tòa án tỉnh (1);
- Phòng KTNV & THA tỉnh (1);
- Đương sự (2);
- Người bảo vệ QVLIHP (1);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phượng